

**THÔNG BÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU GÓP VỐN
ĐỂ HOÁN ĐỔI LẤY MỘT LÔ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF
BASKET OF COMPONENT SECURITIES TO EXCHANGE**

Kính gửi:

- Sở giao dịch Chứng khoán TP. HCM/ Ho Chi Minh Stock Exchange
- Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam/ Vietnam Securities Depository
- Các Thành Viên Lập Quỹ, Nhà đầu tư/ Authorised Participants and Investors

1. Tên CTQLQ/Fund management Company:

Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A

/ I.P.A Securities Investment Fund Management Limited Company

2. Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank: Ngân hàng Vietcombank

3. Mã chứng khoán/ Securities code : FUEIP100

4. Tên quỹ ETF/ ETF name : Quỹ ETF IPAAM VN100

5. Địa chỉ trụ sở chính/ Main office address : Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

6. Ngày giao dịch hoán đổi/Exchange Date :

10/07/2023

7. Đơn vị tính/Unit : 1 lô ETF = 100.000 Chứng chỉ quỹ ETF/ 1 Creation Unit = 100.000 ETF shares.

Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/

Component and weight of securities to exchange for an ETF Creation Unit as follow:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
No	Securities code	Quantity	Weight
I.	Chứng khoán/Stock		
1	VPB	2,400	5.99%
2	FPT	600	5.68%
3	HPG	1,600	5.53%
4	ACB	1,600	4.37%
5	TCB	1,100	4.37%
6	VCB	300	3.96%
7	VIC	600	3.78%
8	SSB	1,000	3.60%
9	VNM	400	3.57%
10	VHM	500	3.40%
11	STB	900	3.35%
12	MBB	1,200	3.09%
13	MWG	500	2.86%
14	MSN	300	2.84%
15	HDB	900	2.08%
16	SHB	1,200	2.04%
17	SAB	100	1.90%
18	EIB	700	1.78%
19	VRE	500	1.70%
20	SSI	500	1.66%
21	TPB	700	1.59%

22	VIB	600	1.49%
23	CTG	400	1.49%
24	MSB	900	1.43%
25	LPB	700	1.42%
26	GAS	100	1.21%
27	VJC	100	1.18%
28	KBC	300	1.15%
29	VND	500	1.11%
30	VCI	200	1.03%
31	FRT	100	0.95%
32	VHC	100	0.93%
33	NVL	500	0.91%
34	OCB	400	0.91%
35	PNJ	100	0.90%
36	DGC	100	0.85%
37	REE	100	0.82%
38	KDC	100	0.79%
39	KDH	200	0.76%
40	GMD	100	0.70%
41	GEX	300	0.70%
42	VPI	100	0.65%
43	HSG	300	0.65%
44	DGW	100	0.58%
45	BVH	100	0.57%
46	BID	100	0.56%
47	DIG	200	0.52%
48	PLX	100	0.51%
49	POW	300	0.49%
50	DPM	100	0.45%
51	NLG	100	0.40%
52	HDG	100	0.38%
53	HCM	100	0.37%
54	NT2	100	0.37%
55	PC1	100	0.33%
56	PVD	100	0.31%
57	DBC	100	0.31%
58	PVT	100	0.29%
59	VCG	100	0.28%
60	GVR	100	0.27%
61	PAN	100	0.26%
62	NKG	100	0.23%
63	CII	100	0.23%
64	PDR	100	0.22%

327
C
T
L
H
I.
TRU

65	HHV	100	0.20%
66	SBT	100	0.20%
67	DXG	100	0.19%
68	TCH	100	0.12%
69	SCR	100	0.10%
70	SAM	100	0.09%
II.	Tiền/Cash (VND)	3,532,342	

Chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/

Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF creation Unit as follow:

Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Value of component securities basket : (VND) 794,811,000

Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per ETF creation unit : (VND) 798,343,342

Giá trị chênh lệch/Cash component : (VND) 3,532,342

Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the difference:

- Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/For Creation Order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer the difference in to the Fund's Account.

- Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/For Redemption Order:

Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee.

Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay thế bằng tiền (nếu có)/ In case, component securities can be replaced by cash (if any)

STT	Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu	Đối tượng áp dụng	Lý do
No.	Securities code	Substitution cash per share VND	Applied to	Reason
1	ACB	21,700	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
2	BID	44,300	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định khoản 4(a) điều 28 thông tư 121/2020/TT-BTC BVSC: Restriction of ownership by Circular
3	FPT	75,300	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
4	GMD	55,800	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
5	MBB	20,450	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
6	MWG	45,500	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
7	PNJ	71,800	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
8	REE	65,200	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
9	TCB	31,550	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
10	TPB	18,050	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
11	VPB	19,850	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
12	VND	17,700	VND	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading

Thông tin đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty/Quỹ tại đường dẫn: <https://ipaam.com.vn/vi/home/>

This information was disclosed on Company/Funds Portal at: <https://ipaam.com.vn/vi/home/>

3178 -
3 TY
4H
NH VIÊN
YẾU
KHOẢN
A
3 - TP.

Dại diện tổ chức/Organization Representative
Người được ủy quyền công bố thông tin/Persons Authorized to Disclose Information
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)/ (Signature, full name and seal - if any)



Tổng giám đốc
Nguyễn Hồ Nga

